

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC LẶC
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2017/HSST

Ngày: 30/8/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC LẶC

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Xuân Vinh

Các hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Trung Thành và ông Phạm Đức Hoàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ninh Thị Hải - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lặc - tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 13/2017/ HSST ngày 27 tháng 7 năm 2017 đối với:

- **Bị cáo:** Phạm Văn Q - Sinh ngày 02/10/1982. Nơi cư trú: Làng M, xã ĐT, huyện NL, tỉnh Thanh Hoá; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Không biết chữ; Dân tộc: Mường; Con ông: Phạm Văn B - Sinh năm 1961 và bà Bùi Thị T - Sinh năm 1964; Vợ: Phạm Thị X - Sinh năm 1983 (đã sống ly thân từ năm 2009 đến nay không xác định được địa chỉ); Con: Phạm Thị L - Sinh năm 2006 ở với mẹ Phạm Thị X; Năm 2013 Phạm Văn Q sống chung với chị Phạm Thị L - Sinh năm 1988, tại thôn Z, xã CY, huyện CT, tỉnh Thanh Hóa có 01 con là Bùi Khánh L - Sinh năm 2013;

Tiền sự: Không.

Tiền án: Năm 2015 bị Tòa án nhân dân huyện LH, tỉnh Lâm Đồng xử phạt 09 tháng tù giam về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Chấp hành xong ngày 04/3/2016. Bị cáo tại ngoại có mặt phiên tòa.

- Người bị hại: Ông Lữ Văn K - Sinh năm 1954. (Có mặt)

Địa chỉ: Bản C, xã TV, huyện LC, tỉnh Thanh Hóa

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Trần Thị L - Sinh năm 1969 (vắng mặt).

Địa chỉ: Phố TP, thị trấn NL, huyện NL tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN

Bị cáo Phạm Văn Q, bị Viện kiểm sát nhân dân huyện NL truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 08/12/2016 Phạm Văn Q ở Làng M, xã ĐT, huyện NL, tỉnh Thanh Hóa đến nhà ông Lữ Văn K ở bản C, xã TV, huyện LC, tỉnh Thanh Hóa. Khi đến nơi Q gặp ông K và bà Vi Thị L (là vợ ông K) đang ở nhà. Do đang cần tiền tiêu sài và thấy nhà ông K có một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Hon da, Wave RSX, BKS 36H1 - 017.66 đang để trong nhà, Q nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô của gia đình ông K. Để thực hiện được mục đích của mình, Q đã nói với ông K “*Cháu đang đi làm thuê trên này nhưng hiện nay chủ thuê chưa thanh toán tiền công, gia đình cháu hiện nay đang có việc gấp, bác chở cháu về nhà rồi cháu lấy tiền thanh toán tiền xăng xe cho bác*”. Nghe Q nói vậy, ông K đồng ý và dùng chiếc xe mô tô BKS 36H1 - 017.66 chở Q về huyện NL, tỉnh Thanh Hóa. Khi đến địa phận làng R, xã QT, huyện NL, tỉnh Thanh Hóa, Q nói với ông K chở Q đi vào nhà Bùi Đăng H ở làng R, xã QT, huyện NL, tỉnh Thanh Hóa, (là bạn của Q) vì trên đường đi Q nói với ông K “*Thằng bạn cháu (tức là H) đang nợ cháu 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) bác chở cháu vào gặp nó để cháu lấy tiền trả tiền xăng xe cho bác*”. Khi đến nơi, H không có ở nhà, Q nói với ông K “*Chắc bạn cháu đang chơi bi a ngoài quán, bác cho mượn xe để đi đón nó về*” ông K đồng ý và giao xe cho Q. Khi có được xe mô tô, Q mang đi cầm cố tại nhà chị Trần Thị L ở phố TP, thị trấn NL, huyện NL, tỉnh Thanh Hóa được số tiền 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng). Q dùng số tiền có được tiêu sài vào mục đích cá nhân, sau đó bỏ trốn vào miền nam. Trong thời gian bỏ đi miền nam, Q không liên lạc với gia đình ông K để nói về việc lấy xe máy đi cầm cố.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 03/KL - HDDG ngày 17/4/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện NL kết luận, chiếc xe mô tô BKS 36H1 - 017.66 tại thời điểm có giá trị 9.777.778đ

Đối với vật chứng: Chiếc xe mô tô BKS 36H1 - 017.66 xác định chủ sở hữu hợp pháp là chị Lữ Thị H ở bản C, xã TV, huyện LC, tỉnh Thanh Hóa (là con đẻ của ông K), chị H đã viết giấy ủy quyền cho ông K nhận lại xe, nên cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại cho ông K. Ngoài ra ông K còn mất thêm chứng minh thư nhân dân, ông K đã làm lại và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì.

Chị Trần Thị L sau khi nhận cầm cố mô tô biển kiểm soát 36H1 - 017.66 với Phạm Văn Q (Lý không biết xe Quyết lừa đảo mà có). Đến hẹn Q không đến nhận xe, chị L đã mang xe đi sửa chữa hết 1.100.000đ. Sau đó bán chiếc xe mô tô trên cho Nguyễn Sỹ H số tiền 6.000.000đ. Anh H không yêu cầu bồi thường và đã tự thỏa thuận giải quyết phần dân sự với chị Trần Thị L.

Chị Trần Thị L yêu cầu bị cáo Phạm Văn Q phải bồi thường số tiền sửa chữa xe 1.100.000đ và tiền cầm cố xe 1.500.000đ. Tổng cộng là 2.600.000đ. Q chưa bồi thường được đồng nào.

Hành vi của Trần Thị L và Nguyễn Sỹ H cơ quan cảnh sát điều tra không đủ cơ sở xử lý về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Bản cáo trạng số 15 ngày 25/7/2017 Viện kiểm sát nhân dân huyện NL đã truy tố Phạm Văn Q về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 139 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 139; điểm p khoản 1 Điều 46 và điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo, đề nghị xử phạt: Phạm Văn Q mức án tù 15 đến 18 tháng tù và buộc bị cáo phải bồi thường số tiền 2.600.000đ cho chị Trần Thị L

Tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật, để bị cáo có điều kiện cải tạo sớm trở về hòa nhập cùng gia đình và xã hội.

Căn cứ vào những chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

[1]. Về căn cứ định tội và định khung hình phạt đối với bị cáo: Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nội dung bản cáo trạng đã nêu, đủ cơ sở kết luận: Chiều ngày 08/12/2016 Phạm Văn Q đã có hành vi gian dối chiếm đoạt chiếc xe mô tô BKS 36H1 - 017.66 của của ông Lữ Văn K mượn của chị Lữ Thị H, giá trị tài sản chiếm đoạt là 9.777.778 đồng, (chín triệu, bảy trăm bảy mươi bảy nghìn, bảy trăm bảy tám đồng). Hành vi của bị cáo Phạm Văn Q đã phạm vào tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*".

[2]. Về tính chất vai trò và mức độ phạm tội của bị cáo trong vụ án: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân, gây dư luận bất bình trong nhân dân. Để giữ nghiêm pháp luật và răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung, cần phải lên cho bị cáo mức án nghiêm khắc, tương xứng với hành vi của bị cáo gây ra.

[3]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo: Bị cáo đã bị Tòa án nhân dân huyện LH, tỉnh Lâm Đồng xử phạt 09 tháng tù giam về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” chưa được xóa án tích, bị cáo lại phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, nên bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình, nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự, để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo khi lượng hình. Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu nên cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã

hội một thời gian, mới đủ điều kiện cải tạo giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội.

[4]. Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với yêu cầu bồi thường của chị Trần Thị L, tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường nên chấp nhận và buộc bị cáo phải bồi thường số tiền 2.600.000đ cho chị Trần Thị L

[5]. Về vật chứng: Xe mô tô BKS: 36H1 - 017.66 cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện NL đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp phù hợp với quy định của pháp luật.

[6]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[7]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử thấy rằng: Trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn Q phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Áp dụng: Khoản 1 Điều 139; điểm p khoản 1 Điều 46 và điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 của Bộ luật Hình sự: Đối với bị cáo Phạm Văn Q.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn Q 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Về trách nhiệm bồi thường: Áp dụng khoản 1 Điều 42 của Bộ luật Hình sự và các Điều 584; 585; 586; 589; 357 của Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo Phạm Văn Q phải bồi thường cho chị Trần Thị L số tiền 2.600.000đ (hai triệu sáu trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày chị Trần Thị L có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền bồi thường, hàng tháng bị cáo Phạm Văn Q còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự và khoản 1 Điều 6 điểm a và c khoản 1 Điều 23; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Phạm Văn Q phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Tổng cộng bị cáo Phạm Văn Q phải chịu án phí là 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng).

Bị cáo Phạm Văn Q và ông Lữ Văn K được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Trần Thị L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Ngọc Lặc;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Cơ quan THA huyện Ngọc Lặc;
- THA hình sự;
- Bị cáo;
- Công an huyện Ngọc Lặc;
- Lưu hồ sơ.

**T/M:HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Lê Xuân Vinh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

